

Bản án số: 45/2021/HS-ST

Ngày: 28/7/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Sửu; ông Trần Văn Thiện.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Trường – Thẩm tra viên
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn S – Sinh năm 1993

Tên gọi khác: Không;

Trú tại: Thôn Đìa, xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Họ tên cha: Trần Văn S – S năm 1969; Họ tên mẹ: Trần Thị L - S năm 1975; Trú tại thôn Đìa, xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Vợ con: Chưa có; Gia đình bị cáo có hai anh chị em, Bị cáo là con như nhất. Tiền án, tiền sự: không có.

- Nhân thân:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 75 ngày 21/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xử phạt Trần Văn S 01 năm 3 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành xong hình phạt từ ngày 27/3/2015, đã chấp hành xong án phí.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 58 ngày 29/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, Yên Bái xử phạt Trần Văn S 01 năm 6 tháng tù về tội “giao cấu với trẻ em”. Chấp hành xong hình phạt từ ngày 03/01/2017, đã chấp hành xong án phí.

+ Ngày 17/4/2021, Trưởng Công an xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 04/4/2021, chưa chấp hành nộp phạt.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2021. (có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Đặng Trần C - Sinh năm 1986

Tên gọi khác: Không;

Trú tại: Tổ dân phố Hòa , thị trấn Cao T, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do;
Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Đặng Trần Th – S năm 1961; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị G - S năm 1962. Điều trú tại tổ dân phố Hòa S, thị trấn Cao Th, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G. Vợ: Trịnh Thị Thu Hiền – S năm 1995. Trú tại tổ dân phố Hòa S, thị trấn Cao Th, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G. Con: Bị cáo có một người con S năm 2019; Gia đình bị cáo có hai anh chị em, bị cáo là con như hai; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không có.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2021. (có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: Thân Đức B- Sinh năm 1983

Tên gọi khác: Không;

Trú tại: Tổ dân phố Phố M, thị trấn Cao Th, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do;
Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Thân Nhân B - S năm 1949; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H- S năm 1957; Điều trú tại tổ dân phố Phố Mới, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Vợ: Trần Thị Th (đã ly hôn). Con: Bị cáo có một người con S năm 2008; Gia đình bị cáo có ba anh chị em, bị cáo là con như ba; Tiền án, tiền sự: không có

- Nhân thân:

+ Năm 2007 Tòa án nhân dân huyện Tân Yên xử phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Chấp hành xong án phí ngày 21/9/2007.

+ Ngày 14/4/2011 Công an huyện Tân Yên xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng. Công an huyện Tân Yên không còn lưu trữ đến Quyết định xử phạt nêu trên của Bộ.

+ Bản án hình sự phúc thẩm số 171 ngày 20/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt Thân Đức B05 tháng 13 ngày về tội “Đánh bạc”. Đã chấp hành xong hình phạt trả tự do ngay tại phiên tòa, đã chấp hành xong hình phạt bổ sung và tiền án phí.

Bị cáo đầu thú được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2021 đến ngày 02/6/2021 thì phạm tội mới và hiện đang bị tạm giam theo Lệnh tạm giam của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên (có mặt tại phiên tòa)

* Bị hại:

- Anh Trần Văn Đ - S năm 1996 (có mặt)

- Chị Nguyễn Thị T, S năm 1997 (vắng mặt)

Điều cư trú: thôn Đ, xã Phúc H, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Ng – S năm 1969 (vắng mặt)

- Anh Phạm Văn H- S năm 1994 (vắng mặt)

Điều cư trú: đường 24, thôn Mao Trung, xã Phượng Mao, Quế Võ, Bắc Ninh.

- Anh Trần Xuân B - S năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Lân Thịnh, xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Đặng Thị M, S năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Lê Lợi, Trung Lương, Đình Hóa, Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 06/3/2021, Trần Văn S - S năm 1993 trú tại thôn Đ, xã Phúc H, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G sử dụng số điện thoại 0853.951.993 gọi đến số điện thoại 0963.861.282 cho Đặng Trần C - S năm 1986 trú tại Tổ dân phố Hòa S, thị trấn Cao Th, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G hỏi C có nhà không để S đến nhà C chơi. Khi đến nhà C chỉ có một mình C ở nhà, S nói chuyện với C: “Gần nhà có cái xe để lấy lăm, anh có biết ai mở khóa xe không em chỉ cho lấy”, C bảo để gọi cho Thân Đức B- S năm 1983 trú tại Tổ dân phố Phố Mới, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, sau đó C gọi vào số điện thoại 0915.538.683 cho Thân Đức B và bảo B về nhà C chơi, Đồng ý. Khoảng 23 giờ ngày 06/3/2021, Điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng, không rõ biển kiểm soát đến nhà C và thấy S đang ngồi chơi ở đó (S và B quen biết nhau từ trước). Tại đây S nói với B gần nhà S có cái xe để trộm cắp và rủ B đi trộm cắp cùng, sau đó S, C, Đồng ý cùng nhau đi trộm cắp xe mô tô. Khoảng 01 giờ ngày 07/03/2021, C điều khiển xe của B chở B và S đi đến nhà Văn Hóa thôn Đ, xã Phúc H, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G thì để xe tại nhà văn hóa rồi S đưa C và B đến cổng nhà anh Trần Văn Đ - S năm 1996 trú tại thôn Đ, xã Phúc H, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G để C và B vào nhà Đ trộm cắp xe mô tô, còn S quay lại nhà văn hóa để trông xe. Khi B và C vào trong nhà Đ, C đứng ở sân để cảnh giới còn B đi vào trong nhà bếp thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu vàng, đen, bạc biển kiểm soát 20C1 -183.02, B dắt chiếc xe mô tô ra ngoài sân và cùng C dắt xe mô tô ra ngoài cổng nhà anh Đ. B dùng chìa khóa xe mang đi từ trước mở khóa điện chiếc xe mô tô rồi B ngồi lên xe chờ C thả trôi xe xuống dốc đến chỗ S đứng chờ. Lúc này B điều khiển chiếc xe Wave kiểm soát 20C1 -183.02 trộm cắp được chở C, còn S đi xe của B đi ra đường liên huyện, B dừng xe lại đổi xe, B đi xe Wave màu trắng của B, C điều khiển xe trộm cắp chở S, cả ba đi đến thị trấn Cầu Gò, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Khi đến gần cổng Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thế thì dừng lại, S dùng tay kéo yên xe lên để B thò tay vào cốp xe để kiểm tra thì phát hiện và lấy ra từ cốp xe vừa trộm cắp được 01 chiếc ví da màu vàng. B đưa chiếc ví trên cho S thì thấy bên trong có 01 đăng ký xe mô tô, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T, 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank cùng số tiền 100.000 đồng. Sau đó C điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được chở S đi xuống Việt Yên, còn B lại Yên Thế chơi. Khoảng 02 giờ 15 phút khi C và S đi đến gần ngã tư thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, C và S thấy cây ATM rút tiền của ngân hàng Vietcombank, S bảo C dừng lại để S vào thử rút tiền trong thẻ ATM trộm cắp xem có rút được tiền không, còn C đứng ở bên ngoài chờ. S vào trong cây rút tiền cho thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị T vào trong cây ATM và nhập mật khẩu là ngày tháng và 2 số cuối năm S trong

chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị T là 090897, thấy đúng mặt khẩu S thực hiện thao tác rút tiền lần thứ nhất rút số tiền 1.000.000 đồng, lần thứ hai rút 2.000.000 đồng, lần thứ ba rút 2.000.000 đồng, lần thứ tư rút 1.900.000 đồng. Tổng số tiền S rút trong thẻ là 6.900.000 đồng. Sau khi rút tiền xong S cất tiền vào túi quần đang mặc ra bảo C rút được tiền rồi và C tiếp tục chở S vào một quán cà phê Karaoke để hát Karaoke, trên đường đi C bảo S bỏ thẻ ATM vứt đi, khi hát xong S đưa 2.000.000 đồng cho C để C thanh toán tiền hát (C biết đây là tiền S vừa rút được từ thẻ ATM trộm cắp). C tiếp tục điều khiển chở S đi đến huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh để gặp bạn C nhưng không gặp được nên C và S vào nhà nghỉ Hoa Hồng do bà Nguyễn Thị Ng – S năm 1969 trú tại thôn Mao Trung, xã Phụng Mao, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh quản lý thuê phòng, C và S lên phòng nghỉ được 20 phút thì S rủ C về thành phố Bắc Giang chơi, C đồng ý nhưng do xe mô tô trộm cắp được gần hết xăng, cốp xe không có chìa khóa mở nên S và C gửi xe lại nhà nghỉ Hoa Hồng và bắt taxi về thành phố Bắc Giang. Khi đến thành phố Bắc Giang, S ở lại thành phố Bắc Giang chơi, còn C đi xe bus về nhà. Khoảng 08 giờ sáng ngày 07/3/2021, C dùng điện thoại Sangsung J8 lắp sim rác nên C không nhớ số điện thoại gọi cho Hùng – S năm 1989 ở huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (là người C quen biết nhưng C không biết tên đầy đủ, địa chỉ ở đâu) qua ứng dụng Zalo (C không biết số điện thoại của Hùng) và nhờ Hùng tìm người mua xe mô tô giúp, Hùng nói sẽ liên lạc lại sau. Khoảng 30 phút sau thì Hùng gọi bằng Zalo cho C hẹn đi xuống Bắc Ninh thì gọi lại cho Hùng, Hùng sẽ bảo người mua xe ra gặp. Sau đó, C đi xe bus đến cầu 18 thuộc tỉnh Bắc Ninh thì xuống xe và bắt xe ôm vào khu vực Cầu Ngà, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh rồi vào quán nước gần đường và gọi điện cho Hùng. Khoảng 15 phút sau một người đàn ông khoảng 30 đến 35 tuổi giới thiệu là bạn Hùng đến gặp C để mua xe. C thỏa thuận bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho người thanh niên này với giá 10.000.000 đồng, sau khi thỏa thuận giá xong, C dẫn người thanh niên đó đến nhà nghỉ Hoa Hồng để xem xe. Khi đến nhà nghỉ Hoa Hồng, người thanh niên này đứng ở ngoài còn C vào trong gặp anh Phạm Văn H- S năm 1994 trú tại thôn Mao Trung, xã Phụng Mao, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh là chủ nhà nghỉ để lấy xe (H là con trai bà Ng). C dắt xe mô tô ra chỗ người thanh niên, người này sau khi xem xe trả giá 7.000.000 đồng, C đồng ý bán và cầm tiền của người thanh niên này sau đó đi về. Chiều cùng ngày C gặp S, C đưa cho S số tiền 1.500.000 đồng. Đến chiều tối ngày 07/3/2021, C gặp B và đưa cho B số tiền 1.500.000 đồng là tiền bán xe trộm cắp có được. Số tiền bán xe có được C, B, S đã tiêu sài cá nhân hết, số tiền 100.000 đồng trong ví từ cốp xe trộm cắp được S đã tiêu sài cá nhân hết còn số tiền rút trộm trong thẻ ATM C và S ăn tiêu hết.

Ngày 04/4/2021, sau khi phát hiện mất xe mô tô anh Trần Văn Đ đến Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên trình báo.

Cùng ngày 04/4/2021, Thân Đức Đến Công an huyện Tân Yên đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản ngày 07/3/2021 cùng Trần Văn S và Đặng Trần C như đã nêu trên.

Ngày 04/4/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với

Trần Văn S và Đặng Trần C. Đặng Trần C có biểu hiện sử dụng ma túy nên Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên đã xét nghiệm nhanh chất ma túy đối với Đặng Trần C kết quả C dương tính với ma túy ADM và MET. Quá trình giữ người trong trường hợp khẩn cấp Cơ quan điều tra đã thu giữ của Trần Văn S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VoVi màu đen, có số imeil 1: 869525023258995 được lắp số điện thoại số 0853.951.993.

Ngày 04/4/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Đặng Trần C tại tổ dân phố Hòa S, thị trấn Cao Th, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G. Quá trình khám xét Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Văn Phú – trú tại thôn Hòa Làng, xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên biển kiểm soát đăng ký 98M9-18771 và 01 (một) chiếc sim điện thoại số 0963.861.282.

Cùng ngày 04/4/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên có yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tân Yên định giá 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave vàng đen bạc, biển kiểm soát 20C1-183.02 có giá trị bao nhiêu tiền?

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22 ngày 08/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tân Yên kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave vàng đen bạc, biển kiểm soát 20C1-183.02 có giá trị 12.000.000 đ (mười hai triệu đồng chẵn).

Ngày 01/06/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên có Yêu cầu định giá tài sản số 33 đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Tân Yên định giá 01 ví da giả da màu vàng cát, có kích thước (7x15) cm mua tháng 11/2020 hiện có trị giá bao nhiêu tiền?.

Tại kết luận định giá tài sản số 35 ngày 02/06/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tân Yên kết luận 01 chiếc ví da giả da, màu vàng cát, có kích thước (07x15)cm được mua tháng 11 năm 2020 với giá 300.000 đồng hiện giá trị còn: 90.000 đồng (chín mươi nghìn đồng chẵn).

Ngày 28/5/2021, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam chi nhánh Bắc Giang đã có Công văn cung cấp thông tin chủ tài khoản 0731000902590 mang tên Nguyễn Thị T, trong ngày 07/3/2021 đã thực hiện các giao dịch rút tiền 4 lần lần 1 số tiền 1.000.000 đồng, lần 2 số tiền 2.000.000 đồng, lần 3 số tiền 2.000.000 đồng và lần 4 số tiền 1.900.000 đồng tại địa điểm thị trấn Bích Động, Bắc Giang.

Thân Đức Bsau khi lấy được chiếc ví trong cốp xe mô tô trộm cắp được, Bthấy bên trong chiếc ví có 100.000 đồng và một số giấy tờ, Bđưa lại chiếc ví cho S, Bkhông biết bên trong chiếc ví có thẻ ATM, việc S và C rút số tiền 6.900.000 đồng trong thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị T, Bkhông được C và S nói cho biết và chia tiền cho B.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 28/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố các bị cáo Trần Văn S, Đặng Trần C, Thân Đức Bvề tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trần Văn S, Đặng Trần C, Thân Đức Bthành khẩn khai nhận về toàn Bphạm tội của bản thân như đã nêu trên.

- Bị hại là anh Trần Văn Đ trình bày: Vợ chồng anh bị các bị cáo lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave vàng đen bạc, biển kiểm soát 20C1-183.02; 01 chiếc ví da giả da, màu vàng cát bên trong chiếc ví có thẻ ATM và số tiền 100.000 đồng. Đến nay anh đã nhận được số tiền bồi thường của gia đình bị cáo Trần Văn S bồi thường là 4.500.000 đồng, nhận của gia đình bị cáo Thân Đức Bsố tiền 4.000.000 đồng, nhận của gia đình bị cáo C số tiền 5.900.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay giữa anh và các bị cáo đã thỏa thuận được toàn Bsố tiền bồi thường thiệt hại nên anh tự nguyện xin rút toàn Byêu cầu về bồi thường thiệt hại trong vụ án này và anh có đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Trần Văn S, Đặng Trần C, Thân Đức Bvà đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo các bị cáo Trần Văn S, Đặng Trần C, Thân Đức Bphạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn S;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, i, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Luật hình sự đối với bị cáo Đặng Trần C;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Luật hình sự đối với bị cáo Thân Đức B;

Xử phạt bị cáo Trần Văn S từ 26 tháng đến 28 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 04/4/2021.

Xử phạt bị cáo Đặng Trần C từ 18 đến 20 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 04/4/2021.

Xử phạt bị cáo Thân Đức Btừ 18 tháng đến 20 tù . Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Không phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo Trần Văn S, Đặng Trần C, Thân Đức B.

Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

Ngoài ra còn đề nghị về xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Trần Văn S, Đặng Trần C, Thân Đức Bnói lời sau cùng: Các bị cáo biết hành vi mình là trái pháp luật và ăn năn, hối cải. Đề nghị HĐXX cho các bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra bị cáo, những người tham gia tố tụng và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc KH nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo Trần Văn S, Đặng Trần C, Thân Đức B tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bản kiểm điểm, bản tường trình, biên bản khám khám xét, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, vật chứng thu giữ và kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Yên, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 01 giờ sáng ngày 07/3/2021, tại gia đình anh Trần Văn Đ - S năm 1996 trú tại thôn Địa, xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, Trần Văn S - S năm 1993 trú tại thôn Đ, xã Phúc H, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G cùng Đặng Trần C - S năm 1986 trú tại Tổ dân phố Hòa S, thị trấn Cao Th, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G và Thân Đức B- S năm 1983 trú tại Tổ dân phố Phố Mới, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu vàng, đen, bạc biển kiểm soát 20C1-183.02 trị giá 12.000.000 đồng bên trong cốp xe có 01 chiếc ví màu vàng trị giá 90.000 đồng; trong ví đựng 01 chứng minh thư mang tên Nguyễn Thị T, 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Thị T, 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 20C1-183.02 và số tiền 100.000 đồng của gia đình anh Trần Văn Đ. Ngoài ra, Trần Văn S và Đặng Trần C còn có hành vi trộm cắp số tiền 6.900.000 đồng trong tài khoản thẻ Ngân hàng Vietcombank mang tên chị Nguyễn Thị T, S năm 1997 ở thôn Địa, xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên. Như vậy Đặng Trần C và Trần Văn S trộm cắp với tổng giá trị tài sản là 19.090.000 đồng; Thân Đức B trộm cắp với tổng giá trị tài sản là 12.190.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, khi thực hiện hành vi chiếm đoạt các bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo đã có hành vi lén lút đối với chủ sở hữu tài sản nhằm lợi dụng sơ hở của họ để thực hiện với lỗi cố ý chiếm đoạt tài sản, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đặng Trần C được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo S, C, B đã tác động gia đình bồi thường cho

anh Đ để khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi phạm tội, bị cáo Thân Đức B đã đầu thú tại Cơ quan công an huyện Tân Yên. Bị cáo Trần Văn S có ông ngoại là Trần Văn Hiền được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng Huy chương chiến sỹ giải phóng và gia đình bị cáo S thờ cúng liệt sỹ Lương Văn Núi. Tại phiên tòa bị hại có mặt và có đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo đều đồng ý cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp nên đều là người thực hành, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ nên là đồng phạm giản đơn. Xét về vai trò thì bị cáo S là người có vai trò chính, là người trực tiếp khởi xướng, rủ rê chỉ dẫn, đưa đường để các bị cáo cùng nhau thực hiện trộm cắp tài sản. Bị cáo B, bị cáo C tiếp nhận ý trí nên là người thực hiện với hành vi với vai trò giúp sức. Các bị cáo đều là người lười lao động nên khi thấy tài sản của chủ sở hữu sơ hở thì rủ nhau thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu sài cho bản thân. Trong đó bị cáo S thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe mô tô Honda wave màu vàng, đen, bạc biển kiểm soát 20C1-183.02 bên trong cốp xe có 01 chiếc ví bên trong có 100.000 đồng và rút số tiền 6.900.000 đồng trong thẻ của chị T nên bị cáo S có vai trò chính, sau đó đến bị cáo C cùng các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô, rút tiền và tiêu thụ tài sản trộm cắp nên bị cáo S, C phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 19.090.000 đồng. Bị cáo B là người trực tiếp thực hiện hành vi mở khóa xe, dắt xe mô tô ra ngoài, tuy nhiên, bị cáo Thân Đức B cùng thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhưng sau khi lấy được chiếc ví trong cốp bên đựng số tiền 100.000 đồng và một số giấy tờ, B đã đưa lại cho S, B không biết bên trong chiếc ví có thẻ ATM nên việc S và C cùng nhau thực hiện hành vi rút số tiền 6.900.000 đồng trong thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị T, B không được C và S nói cho biết và không được chia số tiền này nên Thân Đức B không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với định lượng số tiền 6.900.000 đồng mà chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tài sản trộm cắp theo kết quả Hội đồng định giá giá trị tài sản là 12.190.000 đồng. Như vậy bị cáo S có vai trò chính, bị cáo C có vai trò tiếp theo so với bị cáo B nên bị cáo S, bị cáo C phải chịu hình phạt cao hơn so với bị cáo B về tội này. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vai trò, định lượng tài sản trộm cắp của từng bị cáo để quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự;

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ cần được chấp nhận. Về mức hình phạt đối với các bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là cao.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng

giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật.

Do bị cáo các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra anh Đ và vợ là Nguyễn Thị Ng, S năm 1997 trình bày chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda Wave màu vàng, đen, bạc biển kiểm soát 20C1-183.02 do anh Đ mua của anh Trần Xuân B - S năm 1983 trú tại thôn Lân Thịnh, xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang khoảng tháng 10 năm 2020. Tuy nhiên anh B mua chiếc xe trên của một người không biết tên tuổi địa chỉ. Kết quả tra cứu chiếc xe mô tô trên đăng ký tên chủ xe là Đặng Thị M, S năm 1989 trú tại Lê Lợi, xã Trung Lương, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Chị M khẳng định chị đã bán chiếc xe trên vào đầu năm 2020 cho một người không nhớ tên tuổi địa chỉ. Kết quả tra cứu chiếc xe trên không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng, do vậy xác định chiếc xe trên thuộc sở hữu của anh vợ chồng anh Đ, chị T. Nay anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị T là người bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe mô tô 12.000.000 đồng; 01 chiếc ví trị giá 90.000 đồng và số tiền 7.000.000 đồng, tổng cộng 19.090.000 đồng. **Tại phiên tòa các bị cáo S, C, Đồng ý bồi thường số tiền trên cho anh Đ, chị T:** Cụ thể bị cáo S bồi thường số tiền tương ứng 1/3 giá trị chiếc xe mô tô là 4.000.000 đồng, số tiền mặt 100.000 đồng, số tiền tương ứng với giá trị còn lại của chiếc ví là 90.000 đồng và số tiền rút trong thẻ ATM là 5.000.000 đồng. Bị cáo S khai nhận đã tác động gia đình bồi thường cho anh Đ chị T 4.500.000 đồng và đồng ý bồi thường số tiền còn lại cho anh Đ, chị T. Bị cáo C đồng ý bồi thường cho anh Đ, chị T số tiền tương ứng 1/3 giá trị chiếc xe mô tô là 4.000.000 đồng và số tiền rút trong thẻ ATM là 1.900.000 đồng. Bị cáo Đồng ý bồi thường số tiền 1/3 giá trị chiếc xe mô tô là 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh Trần Văn Đ có mặt và xác nhận đã nhận trước được số tiền bồi thường thiệt hại của gia đình bị cáo S, bị cáo Bộ, bị cáo C nên anh Đ tự nguyện xin rút toàn Byêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án này do đó HĐXX không xem xét.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Đặng Trần C ngày 02/6/2021, Công an huyện Tân Yên đã ra Quyết định xử phạt hành chính 750.000 đồng đối với Đặng Trần C là đúng.

Đối với người tên Hùng và người đàn ông mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 20C1-183.02 do C, S, Btrộm cắp, C không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể của Hùng và người đàn ông này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh người tên Hùng và người đàn ông mua chiếc xe mô tô của C, do vậy Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe mô tô này. Ngày 02/6/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên tách phần tài liệu liên quan đến đối tượng Hùng và người đàn ông mua xe để tiếp tục điều tra, xác minh khi nào có căn cứ xử lý sau nên HĐXX không xem xét.

Đối với Nguyễn Thị Ng và Phạm Văn H khi cho Trần Văn S gửi lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 20C1-183.02 ở tại nhà nghỉ, bà Ng và anh H đều không biết nguồn

gốc chiếc xe mô tô C gửi là xe do người khác phạm tội mà có nên bà Ng và anh H không vi phạm pháp luật.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị T sau khi rút tiền xong trên đường đi Trần Văn S đã bỏ và vứt đi nhưng không nhớ vứt ở đâu. Đối với 01 chiếc ví và chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị T, S đã vứt ở trên đường đi nhưng không nhớ vứt ở đâu. 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 20C1-183.02 khi bán xe mô tô C đã đưa cho người mua xe nên Cơ quan điều tra không thu giữ được những giấy tờ, đồ vật trên; 01 chiếc điện thoại và sim điện thoại 0913.538.683 của Thân Đức B trước khi đến đầu thú B đã làm rơi không biết rơi ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm nên không xử lý được vật chứng này.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng, không rõ biển kiểm soát mà Thân Đức B sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản và dùng chiếc chìa khóa xe mô tô này để mở khóa trộm cắp chiếc xe mô tô của gia đình anh Đ, B khai B mượn chiếc xe mô tô này của một người tên Toàn ở huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, sau khi trộm cắp B đã trả chiếc xe cùng chìa khóa xe mô tô cho Toàn, B không biết tên đệm, tuổi địa chỉ của Toàn nên Cơ quan không có căn cứ xác minh làm rõ người đàn ông tên Toàn này, ngày 02/6/2021 Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên tách phần tài liệu liên quan đến Toàn và chiếc xe mô tô ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục xác minh khi có căn cứ sẽ xử lý sau nên HĐXX không xem xét.

Đối với chiếc đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Văn Phú, trú tại thôn Hòa Làng, xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, C khai do C nhặt được ở đường. Quá trình điều tra anh Phú xác định đó là đăng ký xe mô tô của anh đã đánh rơi trên đường khoảng 10 năm trước. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc đăng ký xe mô tô trên cho anh Đỗ Văn Phú là đúng.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VOVİ màu đen có số Imei1:869525023258995 lắp sim số điện thoại 0853.951.993 là điện thoại của Trần Văn S, 01 chiếc sim điện thoại số 0963.861.282 là sim điện thoại của Đặng Trần C, S và C đã dùng để liên lạc với nhau và liên lạc với B nhưng khi liên lạc không trao đổi gì về việc trộm cắp tài sản cũng như tiêu thụ tài sản. Tại phiên tòa các bị cáo đề nghị xin lại nên cần trả lại cho các bị cáo.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn S;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, i, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Luật hình sự đối với bị cáo Đặng Trần C;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Luật hình sự đối với bị cáo Thân Đức Bộ;

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn S, Đặng Trần C, Thân Đức B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 04/4/2021.

Xử phạt bị cáo Đặng Trần C 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 04/4/2021.

Xử phạt bị cáo Thân Đức B 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Không phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo Trần Văn S, Đặng Trần C, Thân Đức Bộ.

[3] Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

[4] Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Luật tố tụng hình sự.

- Trả lại Trần Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVI màu đen có số Imei1:869525023258995 lắp sim số điện thoại 0853.951.993 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại Đặng Trần C 01 chiếc sim điện thoại số 0963.861.282 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135 của Luật tố tụng hình sự; Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Buộc các bị cáo Trần Văn S, Đặng Trần C, Thân Đức B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Tân Yên;
- Công an huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Bị cáo;
- Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Duyên